

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2023

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1059/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mai C, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Ngô Trọng Th, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà C có đơn đề nghị vắng mặt, ông Th vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2022, nguyên đơn bà Lê Thị Mai C trình bày: Bà C và ông Th chung sống vợ chồng từ tháng 3 năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện , tỉnh Long An vào ngày 28/3/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, tình cảm đã rạn nứt, mặc dù cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà C khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Lê Thị Mai C yêu cầu ly hôn với ông Ngô Trọng Th.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Ngô Trọng Th vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Ngô Trọng Th theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Th biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà C nhưng ông Th không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Ngô Trọng Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà C và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà C bận đi làm nên có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Mai C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Trọng Th, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Bà Lê Thị Mai C bận đi làm xa nên có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông Ngô Trọng Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo qui định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà C, ông Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 28/3/2022 nên hôn nhân giữa bà C với ông Th là hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông Th: Bà C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay gây cãi, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà C thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổng

đạt mời ông Ngô Trọng Th, ông Th biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà C nhưng ông Th không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải cho thấy ông Th không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa bà C với ông Th đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà C yêu cầu xin ly hôn với ông Th là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà C trình bày quá trình chung sống thì bà C và ông Th không có con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà C trình bày thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Ngô Trọng Th vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà C và ông Th có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Lê Thị Mai C phải chịu án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Mai C đối với ông Ngô Trọng Th.

Bà Lê Thị Mai C được ly hôn với ông Ngô Trọng Th.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Mai C và ông Ngô Trọng Th không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Mai C trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Mai C phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai số 0007125 ngày 31/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Bà Lê Thị Mai C đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã A (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy